

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: **223/2020/DS-ST**

Ngày: 27/8/2020

V/v tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H - TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ánh Hồng**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Trương Hoàng Hoa**;

2. Ông **Đặng Phước Lung**;

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Nguyễn Ái Quyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 27 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 28/2020/TLST-DS ngày 18 tháng 2 năm 2020 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2020/QĐXXST-DS ngày 29/7/2020 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị Xuân A** – sinh năm: 1984;

Địa chỉ: 184 Ấp E, xã F, huyện H, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: **Chị Nguyễn Thị Huỳnh B** – sinh năm 1988;

Địa chỉ: ấp G, xã Đăng Hưng Phước, H, tỉnh Tiền Giang.

* Bị đơn: **Ông Phan Minh C** - sinh năm: 1965;

Bà Nguyễn Thị Bé D - sinh năm 1963;

Cùng ngụ: ấp EB, xã F, huyện H, tỉnh Tiền Giang.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Anh Trần Hoàng I – sinh năm 1986;

Địa chỉ: 184 Ấp E, xã F, huyện H, tỉnh Tiền Giang.

Có mặt chị B, bà D, ông C vắng mặt, anh I có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và tại biên bản hòa giải đại diện ủy quyền Nguyễn Thị Huỳnh B trình bày: Chị A là chủ đại lý thức ăn gia súc Phúc Hưng. Từ năm 2017

chị A có bán thức ăn chăn nuôi gà cho ông Phan Minh C và bà Nguyễn Thị Bé D. Việc mua bán D bên thỏa thuận miệng, theo hình thức nợ gởi đầu, khi nào vợ chồng ông C, bà D xuất bán gà thì phải trả dứt điểm tiền bán thức ăn cho chị A. Việc mua bán thức ăn được theo dõi bằng sổ và ông C bà D đều có ký nhận. Tuy nhiên bán gà xong ông C và bà D có trả tiền thức ăn nhưng không trả hết mà còn thiếu lại của chị A một số tiền.

Ngày 13/01/2019, tổng kết nợ thì vợ chồng ông C bà D còn nợ tổng cộng là 54.940.000 đồng.

Ngày 07/5/2020 bà Nguyễn Thị Xuân A có đơn yêu cầu khởi kiện bổ sung yêu cầu bà D, ông C phải trả số tiền 15.647.000 đồng vì ngày 04/7/2019 tại biên bản xác nhận công nợ thì bà D và ông C có ký xác nhận còn nợ đại lý Phúc Hưng số tiền 125.647.000 đồng. Từ ngày 15/01/2020 cho đến ngày khởi kiện thì phía bà D, ông C có trả cho chị A nhiều lần số tiền 110.000.000 đồng nên hiện tại bà D và ông C chỉ còn thiếu chị A 02 khoản với tổng số tiền 70.587.000 đồng.

Từ đó đến nay, chị A đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông C, bà D trả nợ nhưng vợ chồng ông C, bà D vẫn không thực hiện trả nợ mà cứ hẹn lần hẹn lượt.

Do đó, nay chị A khởi kiện yêu cầu ông Phan Minh C và chị Nguyễn Thị Bé D trả cho chị A số tiền mua bán thức ăn còn thiếu là 70.587.000 đồng và không yêu cầu trả tiền lãi, trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị Bé D trình bày: bà thừa nhận có hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi với hình thức trả gởi đầu với bà Nguyễn Thị Xuân A. Bà thừa nhận còn nợ 54.940.000 nhưng bà hùn hạp với em bà Nguyễn Minh Sơn cùng nuôi nên bà chỉ đồng ý trả $\frac{1}{2}$ số tiền 54.940.000 đồng này, bà đồng ý trả 27.470.000 đồng vào tháng 7/2020. Đối với số tiền 15.647.000 đồng bà không đồng ý trả vì đã trả xong hết nợ cho chị A. Đồng thời việc mua bán này do bà và em bà chăn nuôi, chồng bà ông C hoàn toàn không biết.

* Bị đơn ông Phan Minh C từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo qui định của pháp luật nhưng ông C vẫn vắng mặt không rõ lý do và không trình bày ý kiến của mình.

* Anh Trần Hoàng I trình bày: Anh là chồng chị Nguyễn Thị Xuân A, vợ anh là A đứng tên giấy phép kinh doanh. Ngày 04/7/2019 do vợ anh bận công việc nên anh đi xác nhận công nợ với ông C, bà Bé D có làm “Biên bản xác nhận công nợ” là ông C, bà D còn nợ số tiền 125.647.000 đồng và tôi có ký tên vào biên bản này. Khi làm xong biên bản này anh đưa cho chị A theo dõi và việc trả nợ giữa các bên B thế nào thì do A biết, anh không biết, do đó toàn bộ số nợ này ông C, bà D nợ vợ anh là chị A.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Huỳnh B vẫn giữ y yêu cầu buộc ông Phan Minh C, Nguyễn Thị Bé D thực hiện nghĩa vụ trả số tiền mua thức ăn còn nợ vốn là 70.587.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA**ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Xuân A khởi kiện ông Phan Minh C, bà Nguyễn Thị Bé D có địa chỉ tại ấp EB, xã F, huyện H, tỉnh Tiền Giang phải thực hiện nghĩa vụ trả cho chị số tiền mua bán thức ăn gia súc là 70.587.000 đồng nên xác định quan hệ tranh chấp là “Hợp đồng mua bán tài sản” theo Điều 430 của Bộ luật dân sự; quan hệ tranh chấp thuộc trường hợp được qui định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H.

[2] Qua lời trình bày tại phiên tòa và căn cứ vào các biên bản hòa giải, cùng các lời khai của đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy giữa chị A và ông C, bà D có xác lập quan hệ mua bán tài sản là thức ăn gia súc. Phía chị A đã giao hàng hóa đầy đủ cho phía vợ chồng ông C, bà Bé D, có ký xác nhận việc nhận thức ăn gia súc vào sổ sách. Quá trình mua bán tất toán nợ thức ăn đến ngày 13/01/2019 đợt sổ này là 54.940.000 đồng sau đó tiếp tục mua bán đến ngày 04/7/2019 thì ông C, bà Bé D còn nợ 125.647.000 đồng có ghi biên nhận Bng đã trả được số tiền 110.000.000 đồng và hẹn xuất chuồng sẽ trả dứt điểm nhưng phía vợ chồng ông C, bà Bé D không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán tiền 70.587.000 đồng cho chị A. Do đó việc không thực hiện trả tiền làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của chị A, nên yêu cầu khởi kiện của chị A buộc ông C, bà Bé D phải trả số tiền 70.587.000 đồng. Yêu cầu này là phù hợp với định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Đối với lời trình bày của bà Bé D thừa nhận còn nợ số tiền 54.940.000 đồng nhưng việc mua bán này là bà hùn hạp với em bà là Nguyễn Minh Sơn nên bà không đồng ý trả số nợ 54.940.000 đồng chỉ đồng ý trả 27.470.000 đồng cho chị A, đối với số tiền 15.647.000 đồng bà đã trả xong nên không đồng ý trả cho chị A. Lời trình bày là không có cơ sở để chấp nhận vì trong quá trình mua bán và ký xác nhận nợ không thể hiện anh Nguyễn Minh Sơn có quan hệ mua bán với chị Nguyễn Thị Xuân A đồng thời trong quá trình tiến hành tố tụng bà Nguyễn Thị Bé D không cung cấp địa chỉ cụ thể của anh Nguyễn Minh Sơn nên Tòa án không thể đưa vào tham gia tố tụng, do đó Hội đồng xét xử xác định bà Bé D, ông Phan Minh C có quan hệ mua bán với chị Nguyễn Thị Xuân A và nợ số tiền 54.940.000 đồng nên cần buộc vợ chồng ông C, bà Bé D phải trả số tiền 54.940.000 đồng.

[4] Đối với lời trình bày của bà Bé D về số tiền 15.647.000 đồng bà cho rằng đã trả đầy đủ cho chị A nên bà không đồng ý trả, Hội đồng xét xử xét thấy theo biên bản xác nhận công nợ ngày 04/7/2019 giữa đại lý Phúc Hưng và vợ chồng ông C, bà Bé D có xác nhận công nợ là 125.647.000 đồng có đại diện đại lý Phúc Hưng là anh Trần Hoàng I ký tên xác nhận. Anh I là chồng của chị A có đăng ký kết hôn hợp pháp, anh I không đứng tên chủ đại lý thức ăn Phúc Hưng nhưng do vợ chồng nên anh có xác nhận công nợ cho vợ anh, nên việc ông C, bà Bé D nợ tiền thức ăn 15.647.000 đồng của chị A là có thật, bà trình bày có nợ Bng đã trả xong nhưng bà không có tài liệu, chứng cứ nào liên quan đến việc đã thanh toán số tiền 15.647.000 đồng cho chị A hay anh I do đó cần buộc bà Bé D, ông C phải trả số tiền 15.647.000 đồng cho chị A. B vậy, vợ chồng ông C, bà Bé D phải có nghĩa vụ trả số tiền mua bán thức ăn là 70.587.000 đồng cho chị Xuân A.

Ngoài ra bà cho rằng việc mua bán này do bà và em bà cùng hùn hạp chăn nuôi không liên quan đến ông C nên ông C không phải có nghĩa vụ khoản nợ này. Hội đồng xét xử xét thấy từ sổ sách mua bán giao nhận thức ăn giữa các bên có ký xác nhận của ông C, bà Bé D, đồng thời tại biên bản xác nhận công nợ ngày 04/7/2019 cũng do ông C, bà Bé D ký xác nhận công nợ, do đó cần buộc ông Phan Minh C có nghĩa vụ cùng liên đới với bà Nguyễn Thị Bé D cùng trả nợ số tiền 70.587.000 đồng cho chị A.

[5] Về thời hạn trả: Chị Nguyễn Thị Xuân A yêu cầu ông C, bà D phải trả số tiền 70.587.000 đồng thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy yêu cầu này là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Đối với ông Phan Minh C vắng mặt không rõ lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập đến lần thứ D và anh Trần Hoàng I có đơn xin vắng mặt, nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với ông C, anh I.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 36, khoản 1, 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 430, Điều 305, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về áp dụng án phí, lệ phí.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Xuân A.

1. Buộc ông Phan Minh C, bà Nguyễn Thị Bé D thực hiện nghĩa vụ liên đới trả cho chị Nguyễn Thị Xuân A số tiền 70.587.000 đồng (bảy mươi triệu năm trăm tám mươi bảy ngàn đồng). Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông C, bà Bé D chậm thực hiện theo nội dung quyết định này thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

2. Về án phí: Ông Phan Minh C, bà Nguyễn Thị Bé D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.529.350 đồng (ba triệu năm trăm D mươi chín ngàn đồng).

Hoàn lại cho chị Nguyễn Thị Xuân A số tiền 1.373.500 đồng (một triệu ba trăm bảy mươi ba ngàn năm trăm đồng) và 392.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003412 ngày 13/02/2020 và số 0003671 ngày 07/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Tiền Giang.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự I thẩm. Ông Phan Minh C, anh Trần Hoàng I có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TANDTTG.
- VKSNDHCG.
- Chi cục THADSHCG.
- Các đương sự.
- Lưu.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ánh Hồng